HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 20/2025/NQ-HĐND	*Tây Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2026;

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét Tờ trình số 2428/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 638/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn các xã, phường để áp dụng thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tham gia tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng kể từ năm ngân sách 2026.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Long An; Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND; Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND.

- Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Tây Ninh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 60/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, khi các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 7 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội (b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Tây Ninh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh);
- Lưu: VT, (tructhao).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN) cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG II
NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương (NSĐP)

1. Việc xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN phải góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh theo các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương và của tỉnh; đảm bảo lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định. Thể hiện tiêu chí ưu tiên phân bổ đối với khối Đảng, cơ quan Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh và một số cơ quan quản lý hành chính nhà nước có hoạt động đặc thù thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phù hợp với khả năng cân đối NSNN, kế hoạch tài chính giai đoạn 2026-2030. Thúc đẩy cơ cấu lại thu - chi ngân sách nhà nước, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, sắp xếp, tinh gọn bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, thực hiện đề án cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW. Từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân

sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

4. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

5. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

6. Ngoài thực hiện các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này; cấp xã tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí sau:

a) Định mức phân bổ chi thường xuyên của NSĐP được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, đảm bảo chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được nhà nước ban hành đến 31/10/2025. Trong năm ngân sách 2026, khi Trung ương hoặc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành hoặc điều chỉnh tăng mức các chính sách an sinh xã hội, chính sách làm tăng chi ngân sách sau thời điểm 31/10/2025, các địa phương sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương theo quy định để thực hiện; trường hợp còn khó khăn đề nghị ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, địa phương phải chủ động sử dụng dự toán NSĐP, bao gồm cả dự phòng,… theo quy định, để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của NSĐP, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ cho NSĐP theo quy định.

b) Đối với số cân đối chi NSĐP, Hội đồng nhân dân cấp xã được chủ động bố trí cơ cấu chi NSĐP năm 2026 theo nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển.

c) Tiêu chí làm căn cứ để xây dựng định mức phải đảm bảo rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ áp dụng và kiểm tra trong quá trình thực hiện, góp phần triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; tăng quyền hạn, tính chủ động gắn liền với yêu cầu trách nhiệm trong quản lý NSNN của các huyện.

d) Định mức phân bổ được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định, đảm bảo chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo quy định hiện hành, hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được cấp thẩm quyền ban hành đến thời điểm 31/10/2025, trong đó:

Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo phân bổ đảm bảo tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập không thấp hơn 19% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục.

Các lĩnh vực sự nghiệp khác xác định trên tiêu chí dân số và các tiêu chí bổ sung tùy theo tính chất đặc thù của từng địa phương.

Tiêu chí dân số phân bổ định mức có điều chỉnh tăng tỷ lệ dân số như sau: xã biên giới có dân số dưới 18.000 người điều chỉnh tăng 40%, xã biên giới có dân số từ 18.000 người trở lên điều chỉnh tăng 30%, xã thường (không phải xã biên giới) có dân số dưới 20.000 người điều chỉnh tăng 20%.

Bên cạnh đó định mức được phân chia theo địa giới hành chính cấp xã, như sau:

- Các xã Biên giới (nhóm 1): căn cứ theo Công văn số 4278/BNG-UBBG ngày 09/7/2025 của Bộ Ngoại giao về số liệu đường biên, mốc giới trên tuyến biên giới Việt Nam- Lào, Việt Nam- Campuchia sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 19 xã biên giới;

- Các xã, phường Trung tâm (nhóm 2): định nghĩa các xã gọi là xã, phường (nhóm 2) căn cứ xã, phường nào thừa hưởng cơ sở vật chất của trung tâm hành chính huyện, thị xã, thành phố trước khi kết thúc hoạt động, theo đó trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 21 xã, phường trung tâm (trừ 03 xã biên giới nhưng được thừa hưởng cơ sở vật chất của huyện trước khi kết thúc hoạt động);

- Các xã, phường còn lại (nhóm 3): trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có 56 xã, phường không thuộc 02 nhóm nêu trên.

Ngoài ra, đối với mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế kết hợp định hướng quy hoạch chung các đô thị, đô thị mở rộng, đô thị mới và các vùng còn lại theo quy hoạch đô thị, nông thôn của các xã, phường

đ) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên quy định tại Nghị quyết này làm cơ sở xác định tổng chi thường xuyên ngân sách các cấp. Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ mức phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2026 do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, khả năng cân đối ngân sách, yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của địa phương để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện phân bổ cho phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của các cơ quan, đơn vị trực thuộc xã, phường, trong đó đối với các lĩnh vực quy định phân bổ theo chỉ tiêu pháp lệnh gồm sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phân bổ đảm bảo không thấp hơn mức được giao.

Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với đơn vị cấp tỉnh

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đối với đơn vị quản lý hành chính nhà nước

a) Đảm bảo chi con người của cơ quan quản lý hành chính nhà nước theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao

- Tiền lương, các khoản phụ cấp; các khoản đóng góp theo quy định hiện hành và kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của số biên chế thực tế, không vượt quá số biên chế được giao.

- Đối với số biên chế chưa được tuyển dụng so với biên chế được giao sẽ khoán theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp, phụ cấp công vụ, đoàn thể theo chế độ cho mỗi biên chế chưa tuyển dụng được.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động tính theo biên chế được giao

Quản lý nhà nước và tổ chức chính trị xã hội: áp dụng định mức theo phương pháp lũy thoái, số biên chế được giao được chia thành các bậc khác nhau, với quy mô của bậc đầu tiên là 15 biên chế trở xuống, định mức phân bổ ngân sách giảm dần theo các bậc biên chế, cụ thể như sau:

(1) Từ 15 biên chế trở xuống: 50 triệu đồng/biên chế/năm;

(2) Từ biên chế thứ 16 đến 30: 45 triệu đồng/biên chế/năm;

(3) Từ biên chế thứ 31 trở lên: 40 triệu đồng/biên chế/năm.

Riêng Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội - HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh: 55 triệu đồng/biên chế/năm.

Định mức phân bổ trên bao gồm:

(i) Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị CBCC hàng năm; đoàn ra; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng, điện nước, xăng dầu; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan;...

(ii) Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; hoạt động kiểm tra, giám sát; chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn;....

(iii) Kinh phí bảo trì, sửa chữa thường xuyên đối với trụ sở, xe ô tô phục vụ công tác chung và chức danh, tài sản khác; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

c) Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo biên chế, các cơ quan, đơn vị được phân bổ các kinh phí sau:

- Kinh phí thực hiện khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Quỹ tiền thưởng này nằm ngoài quỹ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, được xác định bằng 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và cấp bậc quân hàm của các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị. Đồng thời đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các ngành như: đối ứng chương trình mục tiêu, dự án của Trung ương; chi tổ chức Đại hội cấp tỉnh theo nhiệm kỳ, Hội nghị quốc tế; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo; chi thuê trụ sở (nếu có); chi sửa chữa lớn đối với ô tô phục vụ công tác chung và chức danh, tài sản khác; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động chung, máy móc trang thiết bị chuyên dùng theo quy định.

- Kinh phí phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính; kinh phí phục vụ công tác thu phí, lệ phí; chi công tác phí, hoạt động các đoàn Thanh tra, mua sắm trang phục ngành;

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của từng đơn vị và các khoản phát sinh không thường xuyên khác.

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn đặc thù của từng ngành, đơn vị do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ NSĐP hàng năm; chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; hỗ trợ người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng theo quy định của Chính phủ.

d) Dự toán chi quản lý hành chính nhà nước các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước điều chỉnh tăng, giảm theo khả năng ngân sách nhà nước do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm.

đ) Bố trí kinh phí chi tiền lương, tiền công để thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động để thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể cấp tỉnh theo thực tế có mặt nhưng không vượt quá chỉ tiêu số lượng hợp đồng lao động được cấp thẩm quyền giao, gồm:

- Chi tiền lương, tiền công.

- Hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên bằng mức 70% hoạt động thường xuyên của mức hoạt động thường xuyên biên chế thứ 31 trở lên tại tiết (3) điểm b khoản 1 Điều này.

e) Các hội đặc thù: thực hiện hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các Hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao và các quy định sau đối với các hội đặc thù được giao biên chế (Liên Minh hợp tác xã, Hội Chữ thập đỏ, Liên Hiệp các tổ chức hữu nghị):

- Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số biên chế thực tế có mặt (không vượt số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao) và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hằng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp.

- Phân bổ chi hoạt động: 50 triệu đồng/người/năm trên số lượng biên chế thực tế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao).

2. Phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

a) Chi con người (bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương của cán bộ, công chức, viên chức sự nghiệp giáo dục theo biên chế thực tế thực hiện, không vượt quá biên chế được giao, chiếm tỉ trọng 81%.

- Chi cho hoạt động (chi cho học tập và giảng dạy) chiếm tỷ trọng 19% (chưa kể chi từ nguồn cấp bù học phí).

- Trên cơ sở tổng số chi hoạt động 19% do Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh phân bổ hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ lại cho các cơ sở giáo dục trên cơ sở số lượng cán bộ, viên chức, số lớp, số học sinh tại các cơ sở giáo dục thuộc cấp quản lý để đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và học tập.

b) Chi thực hiện các chương trình, đề án theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, mức cụ thể do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định hàng năm phù hợp với khả năng ngân sách.

c) Phân bổ các tiêu chí bổ sung

- Kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp.

- Kinh phí đặc thù đối với giáo viên, học sinh trường chuyên.

- Hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật.

- Hỗ trợ kinh phí chi tiền lương, tiền công hợp đồng nhân viên cấp dưỡng Trường nuôi dạy trẻ khuyết tật; Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh; Trường Khuyết tật tỉnh Tây Ninh.

- Hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn, trường phổ thông dân tộc nội trú.

- Hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

- Hỗ trợ chi vượt giờ.

- Mua sắm, sửa chữa lớn các cơ sở giáo dục.

- Kinh phí sự nghiệp ngành Giáo dục do tỉnh quản lý theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Hỗ trợ sinh hoạt phí và học phí cho sinh viên sư phạm.

- Kinh phí thực hiện các chế độ do địa phương quy định.

3. Phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

a) Trường Chính trị tỉnh và Trường Thể dục Thể thao

- Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở số lượng người làm việc thực tế thực hiện (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao) và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp.

- Phân bổ chi hoạt động: 40 triệu đồng/người/năm trên số lượng người thực tế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao).

- Riêng đối với Trường Thể dục Thể thao ngoài định mức chi theo cơ cấu này, được bố trí thêm chế độ dinh dưỡng đặc thù và tiền công cho vận động viên đội tuyển năng khiếu, huấn luyện viên theo chế độ quy định hiện hành.

b) Phân bổ kinh phí để thực hiện Đề án đào tạo, nâng cao và phát triển nguồn nhân lực, Đề án đào tạo nghề chất lượng cao; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các chương trình, đề án của tỉnh theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương và lộ trình của các đề án, nhiệm vụ đã được duyệt.

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp đào tạo và dạy nghề khác: thực hiện theo cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và yêu cầu đặt hàng, giao nhiệm của địa phương. Cụ thể:

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Chi hoạt động thường xuyên của đơn vị gồm: phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao); kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp; chi hoạt động thường xuyên theo định mức.

- Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động chi thường xuyên gồm: phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao); kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp; chi hoạt động thường xuyên theo định mức.

- Định mức phân bổ chi hoạt động của các đơn vị được ngân sách hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên tính trên số lượng người làm việc thực hiện thực tế tại

thời điểm xây dựng dự toán (không vượt quá số lượng người được cấp có thẩm quyền phê duyệt): định mức 40 triệu đồng/người/năm.

4. Phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

a) Hệ dự phòng tuyến tỉnh, hệ điều trị tuyến tỉnh và Y tế khác

- Kinh phí phân bổ chi thường xuyên sự nghiệp y tế thực hiện theo lộ trình kết cấu giá dịch vụ khám chữa bệnh và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Chi hoạt động thường xuyên của đơn vị gồm: phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao); kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp; chi hoạt động thường xuyên theo định mức.

- Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động chi thường xuyên gồm phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao); kinh phí nâng bậc lương hằng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp; và phân bổ chi hoạt động theo định mức được duyệt.

- Định mức phân bổ chi hoạt động của các đơn vị được ngân sách hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên tính trên số lượng người làm việc thực hiện thực tế tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt quá số lượng người được cấp có thẩm quyền phê duyệt): định mức 40 triệu đồng/người/năm.

b) Trung tâm Y tế khu vực

- Hệ dự phòng:

+ Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao) và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp;

+ Định mức phân bổ chi hoạt động tính trên biên chế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán: 38 triệu đồng/người/năm.

- Hệ điều trị:

+ Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao) và phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp;

+ Định mức phân bổ chi hoạt động tính trên biên chế có mặt tại thời điểm xây dựng dự toán: 40 triệu đồng/người/năm.

c) Phân bổ các tiêu chí bổ sung

- Chi thực hiện các chương trình, đề án theo Nghị quyết của HĐND tỉnh, mức cụ thể do UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định hàng năm phù hợp với khả năng ngân sách.

- Chính sách dân số.

- Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Mua sắm, sửa chữa lớn các cơ sở y tế.

- Ban bảo vệ sức khỏe.

- Thuốc, tâm thần, chăm sóc sức khỏe tâm thần.

- Các hoạt động phòng chống lao, HIV.

- Các hoạt động nghiệp vụ y tế dự phòng.

- Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh thực hiện mua thẻ và hỗ trợ mua thẻ BHYT cho các đối tượng sau:

+ Trẻ em dưới 6 tuổi;

+ Người thuộc diện gia đình nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người sinh sống tại vùng có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Người đã hiến bộ phận cơ thể theo quy định của pháp luật;

+ Người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, Nghị định số 76/2024/NĐ-CP, Nghị định số 176/2025/NĐ-CP;

+ Hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho học sinh, sinh viên.

5. Phân bổ kinh phí quốc phòng

Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh thực hiện công tác liên quan đến lĩnh vực quốc phòng biên giới: 25.000 triệu đồng.

6. Phân bổ kinh phí an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Phân bổ cho ngân sách cấp tỉnh thực hiện công tác đối ngoại, và công tác khác thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội biên giới: 20.000 triệu đồng.

7. Phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Phân bổ bằng mức phân bổ của Trung ương cho địa phương và phân bổ ở ngân sách các cấp theo nhiệm vụ chi tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30/9/2025 của HĐND tỉnh và theo khả năng cân đối ngân sách. Trong đó phân bổ chi hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp như quy định phân bổ chi các sự nghiệp còn lại.

8. Phân bổ chi các sự nghiệp còn lại

Thực hiện theo quy định của nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

a) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi Sở Tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên:

- Phân bổ chi hoạt động thường xuyên:

+ Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Chi hoạt động thường xuyên của đơn vị gồm: phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao); kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp; chi hoạt động thường xuyên theo định mức.

+ Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động chi thường xuyên gồm phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao); kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp; và phân bổ chi hoạt động theo định mức được duyệt.

Định mức phân bổ chi hoạt động của các đơn vị được ngân sách hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên tính trên số lượng người làm việc thực tế tại thời điểm xây dựng dự toán (không vượt quá số lượng người được cấp có thẩm quyền phê duyệt): định mức 40 triệu đồng/người/năm.

Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công.

- Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng lao động đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên được bố trí trong định mức chi thường xuyên và nguồn thu (nếu có) của đơn vị.

+ Kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ đối với đơn vị do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên và 02 đơn vị: Đoàn nghệ thuật Cải Lương Vàm Cỏ, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật (Đoàn Xiếc):

Quỹ tiền lương, tiền công: gồm tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo số hợp đồng thực tế, không vượt tổng số hợp đồng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Định mức phân bổ chi hoạt động: 20 triệu đồng/người/năm theo số hợp đồng thực tế có mặt không vượt tổng số hợp đồng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Kinh phí hợp đồng lao động tại các đơn vị đặc thù như: Khu Bảo tồn đất ngập nước Láng Sen, Ban Quản lý Khu rừng phòng hộ Dầu Tiếng, Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Huấn luyện Thi đấu thể thao, Ban Quản lý Nghĩa trang, Trung tâm Điều dưỡng Người có công, Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Tây Ninh, Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Tây Ninh; Trung tâm nuôi dạy trẻ khiếm thị Tây Ninh, Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò Xa Mát, Ban quản lý Các khu di tích lịch sử Cách mạng Miền Nam:

+ Quỹ tiền lương, tiền công: gồm tiền lương, tiền công, các khoản đóng góp theo số hợp đồng thực tế có mặt trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Định mức phân bổ chi hoạt động 20 triệu đồng/người/năm theo số hợp đồng thực tế có mặt trong chỉ tiêu số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Sự nghiệp kinh tế còn được phân bổ các kinh phí sau:

- Kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

- Kinh phí duy tu, sửa chữa đường tuần tra biên giới địa phương quản lý.

- Đối với nhiệm vụ chi quản lý, bảo trì đường bộ từ nguồn thu phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện ô tô: Phân bổ bằng mức phân bổ của Trung ương cho địa phương.

9. Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo biên chế, các đơn vị sự nghiệp công lập được chi khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang

a) Quỹ tiền thưởng này nằm ngoài quỹ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, được xác định bằng 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và cấp bậc quân hàm của các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị. Đồng thời đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.

b) Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng của viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, nhóm 4 ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chênh lệch thiếu sau khi đã sử dụng hết nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Kinh phí khen thưởng được bố trí trong dự toán hàng năm của đơn vị (nếu có).

- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng của viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 1, nhóm 2 do đơn vị tự đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

10. Phân bổ chi khác

Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ (từ khoản I đến khoản X).

11. Dự phòng ngân sách

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phân bổ dự phòng ngân sách theo một tỷ lệ thống nhất đảm bảo theo quy định của Luật NSNN (2-5% tổng cân đối ngân sách từng cấp, mức cụ thể do HĐND tỉnh quyết định từng năm).

Điều 5. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên cho ngân sách cấp xã (gọi tắt là xã)

1. Định mức phân bổ sự nghiệp giáo dục

a) Định mức phân bổ theo tỷ trọng chi

- Chi con người (bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành) theo biên chế có mặt, chiếm tỷ trọng 81%.

- Chi cho hoạt động (chi cho học tập và giảng dạy) chiếm tỷ trọng 19%.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung bảo đảm các chế độ, chính sách

- Chính sách hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí.

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật.

- Hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn.

- Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp.

- Hỗ trợ ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

- Chính sách hỗ trợ giáo viên dạy học sinh khuyết tật hoà nhập cộng đồng.

- Chính sách, chế độ hỗ trợ cho người được tuyển dụng vào làm giáo viên tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

- Kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương.

- Đối với số biên chế chưa được tuyển dụng so với biên chế được giao sẽ khoán theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp, phụ cấp ưu đãi 35% theo chế độ cho mỗi biên chế chưa tuyển dụng.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không kể dân số từ 1-18 tuổi)

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Nhóm 1	33.500
+ Xã Nhóm 2	32.500
+ Xã Nhóm 3	31.500

Định mức trên bao gồm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chính trị theo nhiệm vụ giao hàng năm không bao gồm kinh phí thực hiện các đề án đào tạo nguồn nhân lực được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Nhóm 1	3.100
+ Xã Nhóm 2	2.800
+ Xã Nhóm 3	2.700

b) Kinh phí trạm y tế xã

- Phân bổ quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp trên cơ sở biên chế, số lượng người làm việc thực tế (không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao), phân bổ kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp và kinh phí biên chế khuyết theo mức 2,34 và các khoản đóng góp trên mỗi biên chế khuyết.

- Định mức phân bổ chi hoạt động: tính trên biên chế được cấp có thẩm quyền giao theo định mức 30 triệu đồng/biên chế/năm.

- Đối với xã có Trạm Y tế xã có trạm xử lý nước thải, được hỗ trợ thêm 1,5 triệu đồng tháng/1 trạm.

c) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng được NSNN đảm bảo và hỗ trợ cho các đối tượng sau:

+ Đối tượng cựu chiến binh theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ;

+ Đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007;

+ Đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg;

+ Đối tượng thanh niên xung phong thời kỳ chống Mỹ theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 và thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008;

+ Đối tượng quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008.

+ Đối tượng dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015.

- Kinh phí thực hiện chính sách cộng tác viên dân số.

4. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý hành chính

a) Đảm bảo chi con người của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao và đảm bảo kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở ấp, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khu phố, trong đó:

- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo quy định hiện hành và kinh phí nâng bậc lương hàng năm bằng 3% quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của số biên chế thực tế, không vượt quá số biên chế được giao.

- Đối với số biên chế chưa được tuyển dụng so với biên chế được giao sẽ khoán theo hệ số lương 2,34 và các khoản đóng góp, phụ cấp công vụ, Đảng, đoàn thể theo chế độ cho mỗi biên chế chưa tuyển dụng được.

b) Định mức phân bổ chi hoạt động theo biên chế cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền giao, cụ thể:

Đơn vị: đồng/biên chế/năm

Vùng	**Định mức phân bổ**
+ Xã Nhóm 1	44.000.000
+ Xã Nhóm 2	42.000.000
+ Xã Nhóm 3	40.000.000

Định mức trên bao gồm kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản cố định, nghiệp vụ đặc thù và thực hiện các nhiệm vụ được giao theo phân cấp, chưa bao gồm một số kinh phí chế độ, chính sách, tiêu chí bổ sung được liệt kê ở điểm c, d, đ, e dưới đây.

c) Đối với Đại biểu HĐND các cấp

- Hoạt động phí của Đại biểu HĐND cấp xã: chiếm tỷ trọng 70% tổng chi cho Đại biểu HĐND cấp xã.

- Chi hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách, chế độ và các điều kiện hoạt động của Đại biểu HĐND các cấp: chiếm tỷ trọng 30%.

- Kinh phí thực hiện chế độ kiêm nhiệm theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND ngày 07/8/2025 của HĐND tỉnh về việc ban hành quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND 02 cấp tỉnh Tây Ninh.

d) Đối với các Hội đặc thù: thực hiện hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các Hội có hoạt động gắn với nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước giao để chi hỗ trợ thù lao theo quy định của cấp có thẩm quyền.

đ) Các tiêu chí bổ sung về kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách như: hỗ trợ hoạt động Ban Thanh tra nhân dân của xã phường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 30/9/2025 của HĐND tỉnh;

chi phí hỗ trợ giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn cấp xã; kinh phí thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

e) Hỗ trợ kinh phí chi tiền lương, tiền công thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ hoặc hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể theo bảng tiền lương, tiền công thực tế có mặt nhưng không vượt quá chỉ tiêu số lượng hợp đồng lao động được cấp thẩm quyền giao.

5. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Nhóm 1	10.000
+ Xã Nhóm 2	9.000
+ Xã Nhóm 3	8.000

Định mức trên đã bao gồm các chế độ, chính sách ưu tiên đối với vùng đồng bào, dân tộc theo các chế độ, chính sách nhà nước đã ban hành.

Ngoài ra, đối với quỹ lương phân bổ theo số lượng có mặt thực tế nhưng không vượt số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí quản lý di tích lịch sử - văn hóa.

- Hỗ trợ kiêm nhiệm cho người quản lý thiết chế văn hóa, thể thao và kinh phí duy trì, tổ chức hoạt động của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ấp, Nhà Văn hóa liên ấp, Nhà Văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Nhà thiếu nhi thuộc cấp xã quản lý: 310 triệu đồng/năm/Nhà thiếu nhi.

6. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Nhóm 1	14.000
+ Xã Nhóm 2	13.000

+ Xã Nhóm 3	12.000

7. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số chi sự nghiệp thể dục thể thao

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Nhóm 1	11.400
+ Xã Nhóm 2	10.400
+ Xã Nhóm 3	9.400

Ngoài ra đối với quỹ lương phân bổ theo số lượng người có mặt nhưng không vượt quá số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

8. Tiêu chí, định mức phân bổ chi bảo đảm xã hội

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Nhóm 1	20.200
+ Xã Nhóm 2	19.200
+ Xã Nhóm 3	18.200

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Kinh phí thực hiện chế độ chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP; Nghị định số 176/2025/NĐ-CP.

- Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 26/6/1975 của Hội đồng Chính phủ, Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

- Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định của pháp luật.

- Kinh phí thực hiện chế độ đối với cộng tác viên công tác xã hội ở xã, phường.

- Kinh phí thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg, và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Kinh phí chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi.

9. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quốc phòng

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Nhóm 1	16.500
+ Xã Nhóm 2	15.500
+ Xã Nhóm 3	14.500

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Đối với xã biên giới có đường biên tiếp giáp với xã nước bạn, phân bổ 1.040 triệu đồng/xã biên giới/năm; đối với xã tiếp giáp với từ 02 xã nước bạn trở lên thì được phân bổ tăng thêm theo định mức tương ứng.

- Kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ.

10. Tiêu chí, định mức phân bổ chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Nhóm 1	10.500
+ Xã Nhóm 2	9.500
+ Xã Nhóm 3	8.500

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung

- Đối với xã biên giới có đường biên tiếp giáp với xã nước bạn, phân bổ 940 triệu đồng/xã biên giới/năm; nếu tiếp giáp với từ 02 xã nước bạn trở lên thì được phân bổ tăng thêm theo định mức tương ứng.

- Kinh phí thực hiện chính sách Tổ an ninh trật tự cơ sở.

11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Phân bổ bằng mức phân bổ của Trung ương cho địa phương và phân bổ ở ngân sách cấp xã theo nhiệm vụ chi được cấp thẩm quyền phê duyệt và theo khả năng cân đối ngân sách.

12. Định mức phân bổ chi hoạt động kinh tế

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
+ Xã Nhóm 1	230.000
+ Xã Nhóm 2	220.000
+ Xã Nhóm 3	210.000

- Ngoài phân bổ theo tiêu chí dân số thì đối với nội dung kinh phí đô thị được phân bổ như sau: trên cơ sở kinh phí đô thị của cấp huyện trước kết thúc hoạt động, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, căn cứ định hướng quy hoạch chung các đô thị của các xã, phường gồm: đô thị mở rộng, đô thị mới và các vùng còn lại theo quy định quy hoạch đô thị, nông thôn, theo đó phân bổ kinh phí để thực hiện các nội dung liên quan công tác lập quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh và các hoạt động về kinh phí đô thị phát sinh trên địa bàn theo phụ lục I đính kèm.

- Hỗ trợ tiền điện chiếu sáng đô thị, chăm sóc cây xanh, nạo vét vỉa hè cho các địa phương theo mức sau:

+ Đối với phường (14 phường), xã trung tâm (18 xã thừa hưởng cơ sở vật chất của cấp huyện): hỗ trợ 4 tỷ đồng/phường, xã trung tâm/năm;

+ Đối với xã còn lại: hỗ trợ 3 tỷ đồng/xã/năm.

b) Tiêu chí bổ sung

Phân bổ kinh phí hỗ trợ, bảo vệ và phát triển đất trồng lúa: phân bổ bằng số Trung ương bố trí cho ngân sách địa phương và được phân bổ cho ngân sách các cấp ngân sách theo diện tích đất trồng lúa, và hỗ trợ thêm 1,5 triệu đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.

13. Mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

Phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy định của HĐND tỉnh hiện hành, trong đó phân bổ cho các xã, phương Nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường ngân sách cấp xã.

14. Mức phân bổ chi khác của ngân sách địa phương

Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ (từ khoản 1 đến khoản 13) của từng cấp ngân sách.

15. Phân bổ kinh phí thực hiện khen thưởng:

Kinh phí thực hiện khen thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với

cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Quỹ tiền thưởng này nằm ngoài quỹ khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, được xác định bằng 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và cấp bậc quân hàm của các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị. Đồng thời đến hết ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề, nếu cơ quan, đơn vị không sử dụng hết quỹ tiền thưởng của năm thì không được chuyển nguồn vào quỹ tiền thưởng của năm sau.

16. Dự phòng ngân sách

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, các xã, phường được phân bổ dự phòng ngân sách theo một tỷ lệ thống nhất đảm bảo theo quy định của Luật NSNN (2-5% tổng cân đối ngân sách từng cấp, mức cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định từng năm)./.